

Bản án số: 48/2017/DS-ST.

Ngày: 18-10-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang;

2. Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 18 đường D, phường Đ, huyện I, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ Tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh L tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N.

Đại diện ủy quyền lại: Ông Chiêm Văn G – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch số 2 theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2017 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1948. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 156/8 đường T, khu phố 2, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thanh B, sinh năm: 1960 (vợ ông H, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 156/8 đường T, khu phố 2, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Vợ chồng ông Đỗ Văn H và bà Lê Thị Thanh B có vay vốn của Ngân hàng theo hai hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Thứ nhất, Hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/02/2018. Lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 01/7/2013 điều chỉnh lãi suất giảm xuống còn 14%/năm, ngày 01/7/2014 điều chỉnh lãi suất giảm xuống còn 13.5%/năm. Mục đích vay vốn là để sang nhượng quyền sử dụng đất.

Tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ số 40 đường V, phường S, thành phố G, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 768648 do Ủy ban nhân dân thành phố G cấp ngày 28/02/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1/703-HĐTC ngày 28/02/2013 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G số 600, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 18/10/2017, bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 679.362.083đ (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc là 430.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.002.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.359.583 đồng.

- Thứ hai, Hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 23/9/2014. Lãi suất trong hạn là 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% suất trong hạn. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

Đối với hợp đồng này, vợ chồng ông H đã thanh toán đủ số tiền nợ gốc và hiện nay chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền lãi là 51.474.584đ (Năm mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn - ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2017 đối với hợp đồng số 201302060/HĐTD là 51.474.584 đồng và hợp đồng số 201301458/HĐTD là 679.362.083 đồng cùng tiền lãi phát sinh thêm theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/10/2017 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

*** Bị đơn – ông Đỗ Văn H:** Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ vụ án, nhưng ông H không đến mà có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh B:** Tòa án đã triệu tập bà Lê Thị Thanh B nhiều lần để hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ vụ án, nhưng bà B không đến mà có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- **Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2017 đối với hợp đồng số 201301458/HĐTD là 679.362.083 đồng cùng tiền lãi phát sinh thêm theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/10/2017 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng và số tiền lãi còn nợ của hợp đồng số 201302060/HĐTD là 51.474.584 đồng. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh G.

Bị đơn – ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông H và bà B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn thể hiện bị đơn - ông Đỗ Văn H có ký với Ngân hàng N Chi nhánh L để vay tiền theo 02 hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/02/2018. Lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 01/7/2013 điều chỉnh lãi suất giảm xuống còn 14%/năm, ngày 01/7/2014 điều chỉnh lãi suất giảm xuống còn 13.5%/năm. Mục đích vay vốn để sang nhượng quyền sử dụng đất.

Tài sản đảm bảo tiền vay là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ số 40 Trần Cao V, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do ông Đỗ Văn H đứng tên chủ sở hữu tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 768648 do Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/02/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1/703 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G số 600, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tạm tính đến ngày 18/10/2017, bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 679.362.083đ (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc là 430.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.002.500 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.359.583 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Hợp đồng này đã được thanh toán đủ số tiền nợ gốc, hiện nay chỉ còn nợ số tiền lãi là 51.474.584đ (Năm mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng). Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi phạt chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền này.

Về phía bị đơn - ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thanh B thể hiện ý kiến tại bản tự khai ngày 22/6/2017, ông bà xác nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng, nay do làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả nợ nên đồng ý giao tài sản thế chấp theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký cho Ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến gì khác.

Xét Hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 và Hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký. Đây là hợp đồng vay tín dụng có đảm bảo bằng tài sản thế chấp và việc nguyên đơn khởi kiện trong thời gian thực hiện hợp đồng là do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận được hai bên ký kết tại Điều 5 khoản 5.1 điểm b của hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013, do đó Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng N với ông Đỗ Văn H là hợp pháp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự; khoản 1 Điều 302; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, về xử lý nợ, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/10/2017 của hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 là 679.362.083đ (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng) và số tiền nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 là 51.474.584đ (Năm mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng).

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, căn cứ vào quy định tại Điều 355 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về Giao dịch bảo đảm; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP thì yêu cầu này của ngân hàng là có cơ

sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của nguyên đơn – ngân hàng N được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và bị đơn – ông Đỗ Văn H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể như sau:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 là: $20.000.000đ + (4\%[679.362.083đ - 400.000.000đ]) = 31.174.483đ$ (Ba mươi một triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng).

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 là: $51.474.584đ \times 5\% = 2.573.729đ$ (Hai triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91, Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 302, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ngân hàng N về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn – ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh B.

2. Buộc bị đơn – ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn - Ngân hàng N số tiền cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013, số tiền nợ lãi còn lại là 51.474.584đ (Năm mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi bốn đồng);

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/10/2017 là 679.362.083đ (Sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng); trong

đó: Nợ gốc là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 205.002.500đ (Hai trăm lẻ năm triệu, không trăm lẻ hai nghìn, năm trăm đồng) và nợ lãi quá hạn là 44.359.583đ (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 19/10/2017, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ số 40 Trần Cao V, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do ông Đỗ Văn H đứng tên chủ sở hữu tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 768648 do Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/02/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1/703 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G số 600, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD theo đó, trong trường hợp tài sản thế chấp phải kê biên thì ông Đỗ Văn H cùng vợ là bà Lê Thị Thanh B có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc phát mãi tài sản nêu trên.

Nếu sau khi xử lý các tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho ngân hàng mà còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông H phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

3. Án phí sơ thẩm có giá ngạch

- Bị đơn - ông Đỗ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể:

Đối với hợp đồng tín dụng số 201301458/HĐTD ngày 28/02/2013 số tiền án phí là 31.174.483đ (Ba mươi một triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng).

Đối với hợp đồng tín dụng số 201302060/HĐTD ngày 24/9/2013 số tiền án phí là 2.573.729đ (Hai triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

- Nguyên đơn – Ngân hàng N được hoàn trả tạm ứng án phí số tiền 15.500.000đ (Mười lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007271 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tp.G;
- Chi cục THA dân sự tp.G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Tất Ngọc Trân